TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 11 - 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Kim Duyên.
2. Bà Nguyễn Hà Linh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức C**,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Hứa Thị N, anh Nguyễn Đức C vắng mặt và đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Hứa Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức C kết hôn với nhau từ năm 2014, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay lừa dối phải kết hôn, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/12/2014 tại UBND thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chuyển về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh C tại Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhưng chị chưa chuyển hộ khẩu về Tổ dân phố Đ, thị

trấn Y cùng gia đình nhà chồng mà vẫn đăng ký hộ khẩu cùng gia đình bố mẹ đẻ tại Tổ dân phố F, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng anh chị ban đầu hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Đức C đã hết, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành và phát triển kinh tế gia đình. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức C để giải phóng cho hai người đi tìm cuộc sống mới hạnh phúc của riêng mình.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018. Kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn sống cùng chị nên khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/cháu/tháng. Tổng mức cấp dưỡng cả hai con chung là 3.000.000đ/tháng/02 con cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng, chưa tạo lập được tài sản gì chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Đức C không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hứa Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị N xác định do anh Nguyễn Đức C đi làm ăn xa, đồng thời hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại khó khăn và hạn chế nên anh C không thể đến Tòa án làm việc được. Trước khi làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh C, chị đã thông báo cho anh C biết các tài liệu, chứng cứ chị nộp kèm theo đơn khởi kiện gửi Tòa án giải quyết. Do đó chị N đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh C theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

** Tại Bản tự khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hứa Thị N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 18/12/2014 tại UBND thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc anh và chị N đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối gì. Quá trình chung

sống, anh và chị N chung sống cùng bố mẹ anh tại Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc với nhau bình thường, đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa anh và chị N không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị N đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không khắc phục được, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng. Anh và chị N đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa. Trong thời gian sống ly thân nhau, vợ chồng anh không ai hỏi thăm, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị N để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới của riêng mình.

- Về con chung: Anh và chị Hứa Thị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018. Sau khi ly hôn, anh nhất trí để chị Hứa Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N số tiền là 1.500.000 đồng/cháu/tháng (tức 3.000.000 đồng/2 con/tháng). Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi các cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Anh K đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh, chưa tạo lập được tài sản gì chung do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình chung sống anh và chị N không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Đức C vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh C xác định do anh đang đi làm ăn xa, đồng thời hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc đi lại khó khăn và hạn chế nên anh không thể đến Tòa án làm việc được. Trước khi chị N nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh cũng đã được chị N thông báo cho biết các tài liệu, chứng cứ chị N đã nộp cho Tòa án để giải quyết việc ly hôn của hai vợ chồng. Bản thân anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án xem xét. Do đó anh C đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị N theo quy định của pháp luật. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Anh giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chị Hứa Thị N, bị đơn anh Nguyễn Đức C thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án thực hiện thủ tục xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hứa Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đức C.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018 cho chị Hứa Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hứa Thị N với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/con/tháng, tổng mức cấp dưỡng đối với 02 con chung là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021. Anh Nguyễn Đức C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Hứa Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Nguyễn Đức C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hứa Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đức C, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp*

hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức C có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hứa Thị N và bị đơn anh Nguyễn Đức C đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị N và anh Nguyễn Đức C kết hôn với nhau từ năm 2014, trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc hay lừa dối phải kết hôn, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/12/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh C tại Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, cả chị N và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Hứa Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đức C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Hứa Thị N, anh Nguyễn Đức C có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì các con chung sống cùng chị Ngọc. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh Nguyễn Đức C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/con/tháng. Tổng mức cấp dưỡng đối với cả 02 con chung là 3.000.000đ/02 con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Trong bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức C nhất trí giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và nhất trí cấp dưỡng đối với các con chung theo mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu. Do đó

HĐXX thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo A và cháu Nguyễn Anh K cho chị Hứa Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Đức C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 1.500.000đ/01 con/tháng. Tổng mức cấp dưỡng là 3.000.000đ/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2021. Anh Nguyễn Đức C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Hứa Thị N và anh Nguyễn Đức C cùng xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh C, chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về vay nợ chung: Chị Hứa Thị N và anh Nguyễn Đức C cùng xác định quá trình chung sống không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Hứa Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn anh Nguyễn Đức C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hứa Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Đức C;

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 11/8/2015 và cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/12/2018 cho chị Hứa Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hứa Thị N với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/con/tháng. Tổng số tiền anh Nguyễn Đức C phải cấp dưỡng đối với 02 con chung là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12/2021. Anh Nguyễn Đức C được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Khoản tiền cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án chị Hứa Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Nguyễn Đức C chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Hứa Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004512 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hứa Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Hứa Thị N và bị đơn anh Nguyễn Đức C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

"*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Y (Giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 18/12/2014);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Hữu San